

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1	7:25	21+1	0+0		14+0	0+0	chuyen 1 TD3-TD1
2		CLO+TD1+RP1	7:25	4+9+7	0+0+0		3+8+7	0+0+0	tháo ghế chở hàng
3		RC6+RP3	7:25	8+14	0+0		5+12	0+0	
4		PVD1+TD5	7:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
5		RC5+RC4	9:25	12+9	0+0		6+7	0+0	
6		RP3+RP1	9:25	10+12	0+0		9+8	0+0	
7		VSP02+RP3	9:25	11+10	0+0		11+9	0+0	
8		RCDM+BK14	11:25	17+5	0+0		6+0	0+0	CHUYEN 1 rCDM-BK14
9		BK14 - VSP02	11:25	22	0		13	0	(Chợ hàng BK14)
10		TD5+RP1	11:25	8+14	0+0		0+10	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	37	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	40	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN TUÂN	TD3	56	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	44	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨ	TD3	53-54	2	15	15	65	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD3	51-52	2	15		65	DMC-MI	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG MINH	TD3	41	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	49	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	50	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN LŨU	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TỰ HỢP	TD3	39	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH QUY	TD3	36	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	33	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH TIẾN HỮU	TD3	34-35	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MINH TUÂN	TD3	38	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
16	NGO KIM LAM	TD3	42	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG DŨNG	TD3	31-32	2	18		60	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH CUÔNG	TD3	43	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THAI	TD3	45-46	2	18		82	SCHLUMBE	Vietnamese
20	PAIRUCH JOMNONGLUX	TD3	47-48	2	18		75	SCHLUMBE	Thailand
21	PADKATILIN A.N	TD1	76	1	7		85	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	25	172	1.394	15	15	1	CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG TD1
2	TD1	1	1	7	85	0	03		
TOTAL		21	26	179	1.479	15	18		
WEIGHT KG				179	1.479	15			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLO - TD1 - RP1	CREW: Dương - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	CLO	77	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT HUÂN	CLO	76	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	CLO	75	1	14		91	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	CLO	78	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM MINH TÂN	TD1	26	1	4	113	74	SEAMAP	Vietnamese
6	NGUYỄN DINH SUNG	TD1	27	1	7		70	SEAMAP	Vietnamese
7	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	17	1	7		80	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN HỮU LONG	TD1	28	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN NINH	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN THI	TD1	14	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	29	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
12	SEREBROV	TD1	15	1	11		84	VTB	Russian
13	GIMRANOV	TD1	16	1	8		87	VTB	Russian
14	LÊ HUY TÂM	RP1	05	1	4	15	58	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TUẤN ANH	RP1	23	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGỌC LONG	RP1	24	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NG VĂN BAO TRUNG	RP1	01	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN TRƯƠNG	RP1	25	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	RP1	02	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DOãn BÌNH	RP1	03-04	2	12		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	4	55	314	0	3		
2	TD1	9	8	49	678	113	8		
3	RP1	7	8	41	480	15	7		
TOTAL		20	20	145	1.472	128	18		
WEIGHT KG				145	1.472	128			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2023	TO: RC6 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG TUYỀN	RC6	92	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6	85	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUÂN TU	RC6	87	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6	86	1	6	40	69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG BAI	RC6	88	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RC6	90-91	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM THĂNG	RC6	93	1	18	96	106	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH BÌNH	RC6	89	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	75-76	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LUƠNG VĂN PHỒ	RP3	77	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẦN ANH ĐÔNG	RP3	71	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	61	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	63	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐỨC THANH	RP3	62	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	73	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	69	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	64	1	15	12	65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	74	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUÝ HAI	RP3	72	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	67-68	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	66	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	70	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	8	9	85	614	136	5		
2	RP3	14	16	113	1.005	12	12		
TOTAL		22	25	198	1.619	148	17		
WEIGHT KG				198	1.619	148			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: PVD1 - TD5	CREW: LHài - ĐỨC - HĐức - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HAI LONG	PVD1	75	1	17		80	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN VINH	PVD1	73	1	13		92	DVL	Vietnamese
3	DANG THE HUAN CHUONG	PVD1	72	1	7		100	PSV	Vietnamese
4	PHAM VAN DUY	TD5	38	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC MINH	TD5	86	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN KHAI	TD5	83	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	DANG DINH THO	TD5	06	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN PHONG	TD5	09	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	BUI DUC TOAN	TD5	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	LUU THE DIEN	TD5	08	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUNG	TD5	03	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	TO THANH HUNG	TD5	05	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MINH CONG	TD5	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CAO KHANH	TD5	87-89	3	8		65	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN CAO DANH	TD5	90	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
16	DINH DUC KIEN	TD5	10	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
17	LE ANH NGUYEN	TD5	91	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	04	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	LE VIET THANG	TD5	13	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HAI	TD5	12	1	20		85	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN KY	TD5	11	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN DUNG	TD5	84	1	10	15	83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	3	3	37	272	0	3		
2	TD5	19	21	137	1.303	15	19		
TOTAL		22	24	174	1.575	15	22		
WEIGHT KG				174	1.575	15			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: RC5 - RC4	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HOP	RC5	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	RC5	81	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUOC VIET	RC5	79	1	5	82	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU TOAN	RC5	13-14	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG NHAT THANH	RC5	15	1	18		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC NHAN	RC5	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET BANG	RC5	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DUC	RC5	23	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN NGHI	RC5	22	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VU CHI CONG	RC5	73	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SOAI	RC5	25	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HO DINH LOC	RC5	80	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	LE HAI AN	RC5	11	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRAN MINH THI	RC4	06	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TU	RC4	11-12	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU TIEN BINH	RC4	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG TRUNG HIEU	RC4	15-17	3	19		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH DUY	RC4	02	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
19	DANG SU	RC4	03-04	2	10	38	75	CODIEN	Vietnamese
20	VU NGOC CANH	RC4	07-08	2	18		80	CODIEN	Vietnamese
21	DO DUC ANH	RC4	09-10	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN CAO MONG	RC4	01	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

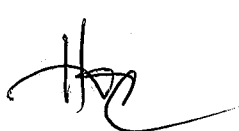
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	13	14	118	905	82	6		
2	RC4	9	15	102	695	38	7		
TOTAL		22	29	220	1.600	120	13		
WEIGHT KG				220	1.600	120			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	84	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	85	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HAI HA	RP3	79	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG HUNG	RP3	81	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	78	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ THANH LAM	RP3	83	1	5	110	60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	82	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH QUANG THANH	RP3	86	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH TÂN NGON	RP3	80	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN LIEN	RP1	26	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THĂNG	RP1					77	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ĐÌNH PHI	RP1	36	1	5		64	NIPI	Vietnamese
13	NGUYỄN THỊ HẰNG	RP1	37	1	5		58	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN THĂNG	RP1	35	1	4		60	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TỰ	RP1					72	NHATHAU	Vietnamese
16	LÊ TRI KHANH	RP1	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	29	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BA NẾP	RP1	32-33	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	34	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
20	VO VAN DONG	RP1	27-28	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
22	TÀNG THANH DAN	RP1	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	9	55	611	110	9		
2	RP1	13	12	57	881	0	13		
TOTAL		22	21	112	1.492	110	22		
WEIGHT KG				112	1.492	110			

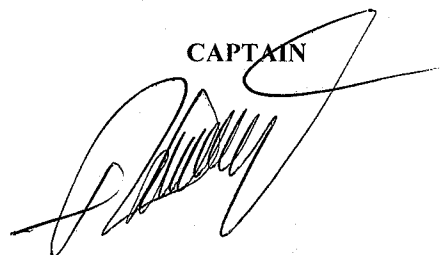
GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	TO: VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:30
VANG-2			

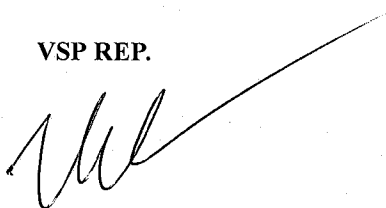
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO MINH TUÂN	VSP02	29-30	2	15	60	90	YTE	Vietnamese
2	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	34-35	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HUY	VSP02	24-26	3	24		70	MERMAID	Vietnamese
4	PHẠM THANH ĐO	VSP02	27-28	2	18		82	MERMAID	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	36-37	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
6	SERGIENKO	VSP02	32	1	8		82	KH-THAC	Russian
7	DUCHENKO A.L.	VSP02	31	1	4		130	KH-THAC	Russian
8	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	33	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	38	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	19	1	3	55	66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	20-21	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG TUÂN ANH	RP3	93-94	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
15	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	99	1	7		78	KHI	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG LINH	RP3	97-98	2	12		75	KHI	Vietnamese
17	LƯƠNG VĂN KHOA	RP3	96	1	2		58	PSV	Vietnamese
18	HỒ NGỌC HUNG	RP3	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ELTUKOV A.	RP3	17	1	5		86	XAYLAP	Russian
20	TRẦN KHOA TRƯỞNG	RP3	16	1	7		75	NIPI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LINH	RP3	29	1	5		80	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN HIEN	RP3	95	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

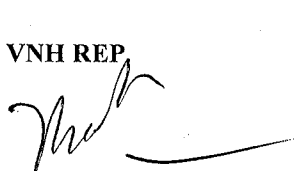
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	11	15	99	870	60	11		
2	RP3	11	14	70	825	55	9		
TOTAL		22	29	169	1.695	115	20		
WEIGHT KG				169	1.695	115			

GRAND TOAL: 1.979 KGS

VSP REP.



VNH REP



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 08	TO: RCDM - BK14	CREW: HUNG - MTHAO - PTUÂN	ETA: 13:40
XANH-3			

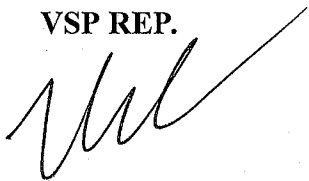
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU SON	RCDM	21	1	4	8	77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN BUI NAM	RCDM	31	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
3	TO TIEN DUNG	RCDM	19	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	22	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RCDM	23	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH DAI	RCDM	07-08	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRONG NHAN	RCDM	09	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN TAN	RCDM	17-18	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN THANH	RCDM	14-15	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HONG TINH	RCDM	10	1	10	20	80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THAI	RCDM	24-25	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TRUNG	RCDM	30	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN DINH VINH	RCDM	28-29	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN LAM	RCDM	12-13	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
15	VU CONG VIEN	RCDM	26-27	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
16	HO TRONG BANG	RCDM	16	1	5		76	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DANG NHAN	RCDM	20	1	6		70	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN HUY	BK14	42	1	15	20	78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TRUNG HIEU	BK14	43,52	2	22	16	79	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TIET	BK14	74-75	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN DUY KHANH	BK14	72-73	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
22	LE THANH HAI	BK14	41	1	7		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	17	24	212	1.201	28	64		CHUYEN 1 PAX RCDM-BK14
2	BK14	5	8	77	373	36	0		
TOTAL		22	32	289	1.574	64	6		
WEIGHT KG				289	1.574	64			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 09	TO: BK14 - VSP02	CREW: Linh - N.ANH - DTùng	ETA: 13:45
CAM-3			

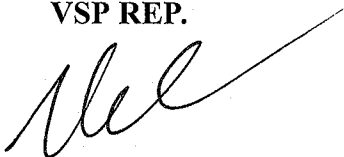
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM DUY QUẢNG	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	400	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	47	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	92	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	36	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ TÂN LINH	VSP02	98	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	46	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUỐC THỊNH	VSP02	99	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI XUAN TIEN	VSP02	45	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THAI SƠN	VSP02	48	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MANH THANG	VSP02	93	1	4	80	55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	97	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY BÌNH	VSP02	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ VĂN HUNG	VSP02	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02					63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	96	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN HUY	VSP02	35	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	VSP02	56-57	2	18		70	T-TIN	Vietnamese
21	VŨ ANH MINH	VSP02	54-55	2	15		80	T-TIN	Vietnamese
22	PHẠM HỮU TRI	VSP02	94-95	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	0	0	0	0	84	0		
2	VSP02	22	22	140	1.511	80	22		
TOTAL		22	22	140	1.511	164	22		
WEIGHT KG				140	1.511	164			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2023	TO: TD5 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - QTrưởng	ETA: 13:50
HONG-3			

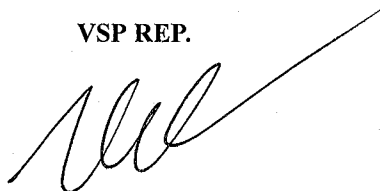
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN GIANG	TD5	97	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN ANH	TD5	90	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	TD5	96	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÂN	TD5	93	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAVTSOV ALEXANDR	TD5	94	1	15		77	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	95	1	15		63	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	TD5	93-94	2	15		62	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI ĐĂNG	TD5	91-92	2	15		82	DVL	Vietnamese
9	HUYNH VU TINH	TD5	95	1	12		68	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	41	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG TÍN	RP1	47	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	44	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	42	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HUY	RP1	43	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	38	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RP1	45-46	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	RP1	39-40	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TẠ NGỌC THANH	RP1	48-49	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG AN	RP1	50	1	10	86	74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÂM	RP1	53	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THAI SƠN	RP1	51-52	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LẠI ANH TUÂN	RP1	54	1	15		100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	11	132	672	0	1		
2	RP1	13	17	131	973	86	10		
TOTAL		22	28	263	1.645	86	11		
WEIGHT KG				263	1.645	86			

GRAND TOAL: 1.994 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

